

VẤN ĐỀ THỜ CÚNG TỔ TIÊN CỦA TÍN ĐỒ CÔNG GIÁO NGƯỜI VIỆT

Tóm tắt: Bài viết dựa trên những tư liệu lịch sử kết hợp với tư liệu điền dã dân tộc học qua nghiên cứu trường hợp giáo xứ Lộc Hòa, xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai để trình bày những thăng trầm trong việc thờ cúng tổ tiên của tín đồ Công giáo người Việt. Sau những cuộc tranh cãi về vấn đề “nghĩ lễ Phương Đông”, Giáo hội Công giáo quyết định cấm tín đồ Á Châu thờ cúng tổ tiên theo phong tục bản xứ. Mặc dù bị cấm đoán nhưng giáo dân Việt Nam vẫn luôn tìm mọi cách để duy trì việc thờ cúng tổ tiên. Từ đó cho thấy vị trí của phong tục này trong đời sống của tín đồ. Cộng đồng Công giáo người Việt tiếp nhận văn hóa tôn giáo Châu Âu nhưng luôn lưu giữ một cách bền chặt các giá trị văn hóa truyền thống của mình. Sau Công đồng Vatican II, việc thờ cúng tổ tiên được chính thức hóa bằng các nghi lễ chính danh Công giáo bên cạnh các nghi thức truyền thống của người Việt.

Từ khóa: Công giáo, người Việt, thờ cúng, tổ tiên.

Dẫn nhập

Thờ cúng tổ tiên thể hiện truyền thống “uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây” của người Việt đã tồn tại từ rất lâu đời trong đời sống tinh thần của người Việt. Tập quán này càng được củng cố vững chắc khi Khổng giáo du nhập vào Việt Nam với việc đề cao chữ hiếu. Đến thế kỷ XV, nhà Lê đã thể chế hóa việc thờ cúng tổ tiên qua luật Hồng Đức. Bộ luật quy định con cháu phải thờ cúng tổ tiên 5 đời, ruộng hương hỏa mà tổ tiên để lại hoặc cơ sở kinh tế để có kinh phí thờ cúng tổ tiên thì con cháu không được bán, tội bất hiếu được quy định là một trong mười tội ác¹. Đến thời nhà Nguyễn, những nghi lễ thờ cúng tổ tiên được quy định khá chi tiết trong sách Thọ Mai Gia Lễ do Hồ Sĩ Tân chép lại.

Thờ cúng tổ tiên ít được xem là tôn giáo chủ lưu, nhưng hầu như mọi người Việt đều có niềm tin và thực hành nghi lễ thể hiện niềm tin này. Các

* Nghiên cứu sinh Trường ĐHKHXH&NV Tp. Hồ Chí Minh.

tôn giáo từ bên ngoài khi du nhập vào Việt Nam đều phải tìm cách ứng xử với việc thờ cúng tổ tiên của người Việt Nam. Có tôn giáo tiếp nhận việc thờ cúng tổ tiên một cách nhanh chóng, hài hòa, nhưng cũng có tôn giáo tiếp nhận và hợp thức việc thờ cúng tổ tiên đầy gian nan và thử thách, Công giáo là một ví dụ. Bài viết này trình bày những thăng trầm trong việc thờ cúng tổ tiên của tín đồ Công giáo người Việt.

1. Thờ cúng tổ tiên - Cội nguồn văn hóa dân tộc

Thừa sai Alexandre de Rhodes khi truyền giáo tại Việt Nam đã nhận xét về phong tục thờ cúng tổ tiên “Trong khắp cõi đất có người ở này, có lẽ không có nước nào trọng kính và tôn sùng hồn và xác người quá cổ bằng dân nước Annam”². Nhận định cho thấy, thờ cúng tổ tiên đã trở thành một phong tục không thể thiếu trong đời sống tinh thần của mọi người Việt. Nói đến thờ cúng tổ tiên là nói đến cội nguồn văn hóa của người Việt, trong đó giá trị “hiếu” là giá trị đạo đức cơ bản của mỗi người. Phan Kế Bính cho rằng “Xét cái tục phụng sự tổ tiên của ta rất là thành kính, ấy cũng là một lòng bất vong bản, cũng là một việc nghĩa vụ của con người”³. Đạo hiếu dạy cho mỗi cá nhân về bổn phận của người làm con cháu phải có hiếu với ông bà cha mẹ của mình khi còn sống cũng như khi họ đã qua đời, phải đáp đền những công lao mà ông bà cha mẹ đã để lại cho con cháu. Từ giá trị đạo hiếu dẫn đến vai trò cố kết các thành viên trong gia đình và cộng đồng của phong tục thờ cúng tổ tiên.

Lý thuyết Chức năng - Cấu trúc của Radcliffe-Brown cho rằng chức năng của một tập tục là vai trò mà nó nắm giữ trong việc duy trì sự toàn vẹn của hệ thống xã hội, là sự đóng góp của nó vào đời sống liên tục của “cơ thể xã hội”⁴. Quan điểm của Radcliffe-Brown dựa trên lý thuyết của Émile Durkheim cho rằng tôn giáo của một dân tộc vừa phản ánh cấu trúc hệ thống xã hội của họ vừa có chức năng duy trì hệ thống đó trong tình trạng hiện tại của nó. Chức năng của tôn giáo là tạo ra những quy củ (áp đặt quy củ) và những cảm giác tích cực, gắn kết mọi người trong cùng cộng đồng, tạo và tái tạo sức sống di sản của nhóm người và truyền đạt giá trị cho thế hệ tiếp theo⁵. Bài viết vận dụng quan điểm của Radcliffe-Brown để nhìn nhận chức năng của phong tục thờ cúng tổ tiên trong việc duy trì sự toàn vẹn hệ thống xã hội của người Việt. Sự toàn vẹn thể hiện qua vai trò của phong tục này trong việc cố kết các thành viên trong gia đình, cộng đồng tạo nên sự ổn định của gia đình và xã hội. Tìm hiểu chức năng của phong tục thờ cúng tổ tiên để thấy được vị trí

của phong tục này trong đời sống của người Việt. Từ đó lý giải việc tại sao tín đồ Công giáo người Việt dù bị cấm thờ cúng tổ tiên trong thời gian rất dài nhưng phong tục này không bị xóa bỏ hoàn toàn mà vẫn tồn tại trong đời sống tinh thần của tín đồ, cho đến khi được chính thức hóa sau Công đồng Vatican II.

Thờ cúng tổ tiên thể hiện đạo hiếu từ xa xưa của người Việt, thể hiện truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, là một giá trị thể hiện nhân cách con người. Đối với người Việt dù là thường dân hay là người đứng đầu quốc gia thì không có gì bất hạnh hơn khi con cháu của mình từ bỏ không thừa nhận ông bà tổ tiên. Nguyễn vương Nguyễn Phúc Ánh khi thấy Hoàng tử Cảnh không lạy bàn thờ tổ tiên khi hoàng tộc tổ chức lễ giỗ tiên vương đã làm cho ông cảm thấy “rất đau khổ, tủi nhục và tức giận, vứt bỏ phẩm phục mũ miện, nói rằng ông là một người cha bất hạnh”⁶. Chính vì vậy, trong gia đình người Việt, con cháu từ khi còn nhỏ đã được giáo dục những đạo lý liên quan đến đạo hiếu, đạo thờ cúng tổ tiên. Những bài học này không phải qua sách vở, qua những đạo lý cao siêu mà từ những cách giáo dục rất gần gũi như những bài ca dao, bài hát ru con, những câu chuyện kể về truyền thống gia đình, công lao của các bậc tiền nhân hoặc qua việc thờ cúng tổ tiên hằng ngày trong mỗi gia đình. Từ đó tạo nên những tình cảm và ý thức của mỗi cá nhân trong việc gìn giữ duy trì phong tục thờ cúng tổ tiên.

Vì vậy, một trong những chức năng quan trọng của phong tục thờ cúng tổ tiên chính là việc truyền đạt các giá trị di sản của tộc người thể hiện qua việc giáo dục đạo đức trong gia đình, cộng đồng. Nhà nghiên cứu, Linh mục Cléopold Cadière cho rằng thờ cúng tổ tiên có chức năng “giáo dục luân lý cho các thành viên sống phải noi gương kẻ chết, mỗi thành viên phải chịu trách nhiệm về danh dự của tất cả”⁷. Thờ cúng tổ tiên có tầm ảnh hưởng quan trọng đến việc hình thành những lối ứng xử, quan niệm đạo đức, điều chỉnh hành vi của mỗi cá nhân và tạo nên hệ giá trị chung cho cả cộng đồng. Đối với mỗi gia đình, thờ cúng tổ tiên thể hiện sự nhớ ơn của những người còn sống đến công lao của tổ tiên, qua đó các thành viên trong gia đình nhắc nhở con cháu nhớ đến tổ tiên, noi theo tấm gương đó mà sống đúng đạo làm người. Từ đó hình thành nên ý thức con cháu phải luôn giữ gìn gia phong mà ông bà tổ tiên để lại, không được làm những điều gì tổn hại đến thanh danh của tổ tiên. Đồng thời, việc thờ cúng cũng là một sự nhắc nhở những bậc cha mẹ ông bà đang còn sống phải luôn sống tốt vì khi họ chết đi vẫn còn có một mối liên hệ

mật thiết với con cháu của mình. Nếu họ sống tốt thì con cháu sẽ được hưởng phúc đức bởi vì “cha mẹ ở hiền để đức cho con”, ngược lại nếu họ sống không tốt thì con cháu sẽ lãnh hậu quả “đời cha ăn mặn đời con khát nước”. Tác giả Đào Duy Anh có nhận xét xác đáng khi cho rằng “Người Việt chỉ trông cậy vào con cháu để lưu truyền nòi giống và tiếp nối sự nghiệp của tổ tiên... Sở dĩ làm việc thiện ở đời, sở dĩ có lúc hi sinh, không phải cốt cầu vĩnh phúc ở lai sinh như nhà Gia Tô giáo, cũng không mong giải thoát khỏi vòng luân hồi như nhà Phật giáo, mà chỉ cốt lưu chút phúc âm cho con cháu về sau”⁸. Việc thờ cúng tổ tiên không chỉ đơn thuần giáo dục đạo hiếu cho con cháu mà còn giáo dục các bậc làm cha mẹ, ông bà phải luôn thể hiện trách nhiệm của mình, phải sống tốt để làm gương cho con cháu, cũng là để sau này cho dù đã xa lìa dương thế rồi còn lưu lại danh thơm tiếng tốt cho con cháu được tự hào, được phúc âm.

Qua mỗi dịp tổ chức cúng giỗ, định chế đại gia đình được duy trì, con cháu từ nhiều nơi sinh sống cùng tụ họp, mỗi thân tình được củng cố, những giá trị di sản của thế hệ trước được truyền lại cho các thế hệ sau. Từ đó tạo nên sự cố kết bền chặt giữa các cá nhân trong gia đình và dòng tộc. Linh mục Cléopold Cadière cho rằng thờ cúng tổ tiên “đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì mối liên kết chặt chẽ giữa các thành viên của một họ”⁹. Tác giả Đặng Nghiêm Vạn cũng cho rằng “thờ cúng tổ tiên chiếm một vị trí đặc biệt trong việc gắn kết gia đình”¹⁰.

Vai trò giáo dục của phong tục thờ cúng tổ tiên của người Việt không chỉ dừng lại trong việc giáo dục những người có cùng quan hệ huyết thống mà còn tác động đến giá trị đạo lý của cộng đồng. Nguyễn vương Nguyễn Phúc Ánh khẳng định việc thờ cúng tổ tiên là một trong những căn bản của nền giáo dục quốc gia¹¹. Mỗi dịp giỗ tổ Hùng Vương, thờ cúng các anh hùng đã hi sinh, đóng góp công sức cho đất nước, những vị có tài đức được xã hội tôn trọng hay lễ giỗ tổ nghề là cách giáo dục cho cộng đồng đạo lý “uống nước nhớ nguồn, tôn sư trọng đạo” của người Việt. Từ đó giúp mỗi người hiểu được nguồn cội, lịch sử của tộc người, của đất nước, tạo nên tâm lý học tập, noi gương, phấn đấu cho xứng đáng với truyền thống mà ông cha đã để lại. Bác Hồ nói “các vua Hùng đã có công dựng nước, bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”, là một lời kêu gọi trách nhiệm của cá nhân phải sống xứng đáng với truyền thống của cha ông để lại. Câu nói rất đơn giản nhưng qua đó cho thấy tính kế thừa trong việc truyền đạt di sản tộc người từ thế hệ này qua thế hệ khác của phong tục thờ cúng tổ tiên. Đặc biệt khi đất nước gặp lâm nguy, xã

hội bị chia rẽ thì tính kế thừa này phát huy vai trò của nó trong việc cố kết cộng đồng, duy trì sự đoàn kết xã hội.

Tác giả Will Durant khi nghiên cứu về phong tục thờ cúng tổ tiên của người Trung Quốc, cho rằng “phong tục này làm cho chế độ chính trị được vững, phong tục tinh thần dân tộc được tiếp tục từ đời này qua đời khác... Nhờ sự thống nhất mạnh mẽ về tinh thần mà thế hệ sau ràng buộc với thế hệ trước bằng truyền thống và đời sống cá nhân hóa ra cao thượng lên vì dựa vào lịch sử tôn nghiêm của nòi giống”¹². Nhận định của Will Durant cũng phù hợp đối với người Việt, phong tục thờ cúng tổ tiên đã tạo nên một hệ giá trị đạo đức thống nhất cho cả cộng đồng người Việt, chi phối đến hành vi ứng xử của cả cộng đồng. Mỗi người Việt dù sống ở những vùng miền khác nhau, có những nét văn hóa tôn giáo khác nhau nhưng đều chia sẻ cùng một giá trị đạo đức từ phong tục thờ cúng tổ tiên. Mỗi dịp lễ giỗ là cả cộng đồng cùng nhau tổ chức tưởng nhớ đến công lao của bậc tiền nhân, cùng nhau chia sẻ thừa hưởng những thành quả của ông cha để lại và cùng nhau lưu giữ những di sản cũng như tiếp tục phát huy những giá trị mới xứng đáng với những công lao mà thế hệ đi trước đã để lại. Từ đó làm cho mọi người trở nên gần gũi, gắn bó với nhau, góp phần xóa mờ những khác biệt giữa các cộng đồng người Việt theo các tôn giáo khác nhau, tạo nên sự đoàn kết tộc người trong quốc gia, duy trì sự toàn vẹn của hệ thống xã hội. Tác giả Đặng Nghiêm Vạn khẳng định “thờ cúng tổ tiên củng cố sự thống nhất của cộng đồng, kết nối tộc người từ trong quá khứ hiện tại và cả tương lai”¹³. Ngoài ra, thờ cúng tổ tiên còn có kết cộng đồng tôn giáo văn hóa bản địa và ngoại lai “là sức thu hút, thậm chí là yếu tố cấu thành, thiếu nó các tôn giáo ngoại sinh trở thành xa lạ”¹⁴.

Đối với người Việt, thờ cúng tổ tiên còn thể hiện niềm tin tôn giáo qua quan niệm của họ về thế giới người sống và người chết. Người Việt khi được hỏi theo đạo gì họ thường nói là theo Đạo Ông Bà. Thờ cúng tổ tiên không có tổ chức giáo hội với hàng giáo phẩm, giáo lý để ràng buộc cá nhân về mặt giáo luật, tuy nhiên hầu như tất cả mọi người Việt đều thờ cúng tổ tiên và thể hiện niềm tin vào đó. Đối với người Việt việc thờ cúng tổ tiên không chỉ thể hiện đạo đức mà còn là niềm tin tôn giáo về một thế giới giữa người sống và người chết. Người Việt tin rằng, ông bà tổ tiên dù có sang thế giới bên kia nhưng vẫn dõi theo con cháu, vẫn còn hiện diện nơi con cháu, nơi gia đình, nơi bàn thờ, nơi bài vị, nơi từ đường trong gia đình để luôn ở với con cháu, phù hộ cho con cháu. Người Việt

khi gặp chuyện gì may mắn hạnh phúc, thường nói với nhau đó là nhờ phúc đức tổ tiên để lại. Con cháu nhờ ơn ông bà tổ tiên mà được sống tốt, hạnh phúc, được nên thân nên người, ăn nên làm ra, công thành danh toại, gia đình đầm ấm, tai qua nạn khỏi.

Linh mục Cléopold Cadière đã cho rằng “đối với người Việt thì không thể cho rằng họ lại không tin vào sự trường tồn hoặc hiện diện thật sự của tổ tiên trong các bài vị hoặc gán cho họ những quyền lực siêu nhiên”¹⁵. Ông kể lại câu chuyện cứu giúp một bà bị cướp giữa đường, khi được ông cứu, bà ta đã nói “Thưa cha, nhờ phước ông bà mà trên đường lại được gặp cha”¹⁶. Trong tâm thức người Việt những điều tốt đẹp mà họ có được dường như đều là nhờ phúc đức của ông bà tổ tiên để lại. Vì vậy, việc thờ cúng tổ tiên không chỉ là mang ý nghĩa thể hiện tấm lòng hiếu thảo của con cháu đối với cha mẹ ông bà tổ tiên đã qua đời mà còn thể hiện niềm tin vào người quá cố.

Niềm tin vào việc thờ cúng tổ tiên không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm linh của cá nhân mà còn tạo nên tính chất bền vững cho sự cố kết về mặt tinh thần của cộng đồng như quan điểm của Émile Durkheim: “Tôn giáo là một hệ thống có tính chất gắn bó của những niềm tin và những thực hành liên quan đến những điều thiêng liêng, gắn bó tất cả những ai gia nhập vào một cộng đồng tinh thần đó”¹⁷.

Đối với người Việt theo Công giáo, trước khi là tín đồ họ đã là người Việt, đã mang trong mình dòng máu văn hóa truyền thống của người Việt. Cho dù có theo Công giáo thì đối với giáo dân, đạo hiếu vẫn là giá trị đạo đức hàng đầu, hiếu kính là bổn phận mà bất cứ người làm con nào cũng phải chu toàn đối với cha mẹ của mình. Việc thờ cúng tổ tiên cũng chính là để thể hiện lòng hiếu kính của mình. Theo quan niệm của tín đồ giáo xứ Lộc Hòa thì:

“Thờ cúng tổ tiên là cái rất tốt, là thảo hiếu cha mẹ, thảo kính ông bà, là việc làm người Việt Nam tôn trọng nhất, ông bà tổ tiên là những người quá cố đương nhiên phải nhớ đến hàng ngày”. (Nam giới, 80 tuổi, trích phỏng vấn tháng 7/2012).

Quan niệm của họ cũng giống như quan niệm của bao người Việt khác, thờ cúng tổ tiên là thể hiện chữ hiếu, nhớ đến công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ; là thể hiện sự gắn bó không cắt đứt mối dây liên hệ của con cháu với ông bà tổ tiên. Thờ cúng tổ tiên đã ăn sâu vào trong máu thịt của mỗi người Việt Nam, người Công giáo không là ngoại lệ.

Tín đồ Công giáo đều thừa nhận rằng, mỗi dịp giỗ chạp tạo nên sự kết nối các thành viên trong gia đình. Cho nên dù họ không làm cỗ bàn lớn mời bà con hàng xóm thì vẫn làm mâm cơm trong gia đình để tưởng nhớ người quá cố và để anh em, con cháu sum họp với nhau.

“Thờ cúng tổ tiên là điểm chủ yếu là nguyên nhân chính đưa đến mối dây thân ái trong gia đình, con cháu trong gia đình có dịp để ngồi lại với nhau để biết nhau, tình liên đới trong anh em sẽ bền chặt hơn”. (Nam giới, 50 tuổi, sửa máy dầu và làm vườn, trích phỏng vấn tháng 7/2012).

Trong lịch sử, vấn đề thờ cúng tổ tiên từng gây chia rẽ giữa cộng đồng ngoài Công giáo với Công giáo. Giáo dân đã từng phải viết thư kêu cầu Tòa Thánh xem xét lại cho tín hữu vì việc không được phép thờ cúng tổ tiên làm cho những người ngoài Công giáo chê cười và lìa bỏ vì xem giáo dân là những người bất hiểu, vì đã từ bỏ những giá trị đạo đức căn bản của cộng đồng từ ngàn đời qua¹⁸. Lúc này có thể thấy chức năng cố kết các thành viên trong cộng đồng của phong tục thờ cúng tổ tiên là rất rõ ràng. Hiện nay, thờ cúng tổ tiên vẫn có chức năng cố kết giữa cộng đồng Công giáo và các cộng đồng khác, đặc điểm này có thể thấy qua hôn nhân khác đạo giữa người Công giáo và ngoài Công giáo. Trước đây, nhiều người ngoài Công giáo thường không đồng ý hay ngăn cấm con cái lấy người Công giáo vì họ nghi ngại người Công giáo không thờ cúng tổ tiên ông bà. Hiện nay, tại giáo xứ Lộc Hòa theo ghi nhận của ông Chánh trương thì các cặp hôn nhân xin kết hôn được đạo ai nấy giữ không có liên quan đến vấn đề thờ cúng tổ tiên, còn lại phần lớn những đôi hôn nhân khác đạo đều được cha mẹ người ngoài Công giáo đồng ý cho con cái theo Công giáo (Trích nhật ký điền dã tháng 11/2015).

Cũng theo ông Chánh trương trên, có nhiều người không theo Công giáo cũng xin được chôn trong nghĩa trang giáo xứ hoặc đa số những cha mẹ có con theo đạo khi kết hôn thì lúc qua đời cũng có nguyện vọng chôn tại nghĩa trang. Nhưng vì số lượng phần mộ trong nghĩa trang giáo xứ có hạn nên chỉ đồng ý cho chôn cất những người thân ruột thịt của người theo đạo. Một trong những lý do mà họ muốn được chôn cất tại đây là vì họ nhìn thấy những nghi lễ thờ cúng tổ tiên của người Công giáo rất long trọng. Điều đó cho thấy thờ cúng tổ tiên ngày nay vẫn mang chức năng như là sợi dây cố kết, làm xóa mờ những khác biệt giữa cộng đồng người Công giáo với người ngoài Công giáo.

Các tín đồ Công giáo người Việt khi tuyên tín vào Chúa thì sẽ phải từ bỏ những niềm tin tôn giáo khác trong đó có cả niềm tin vào ông bà tổ tiên của mình. Mọi tín đồ đều khẳng định ông bà tổ tiên không có quyền ban ơn cho con cháu, họ cũng không tin vào điều này vì như vậy là vi phạm vào tín lý Công giáo. Tuy nhiên, trong tâm tư, “giáo dân Việt Nam tin rằng linh hồn ông bà cha mẹ vẫn ở bên con cái, hằng sẵn lòng nghe lời khẩn vãi của con cháu để ra tay can thiệp, phù hộ độ trì khi thịnh cũng như suy”¹⁹. Sự tin tưởng này được kết hợp với tín lý Công giáo. Nói đúng theo tín lý thì tín đồ vẫn luôn tin tưởng về một sự “cầu bầu” của ông bà tổ tiên đã mất trước Thiên Chúa cho con cháu trên trần gian, nghĩa là sự ban ơn không trực tiếp từ tổ tiên như niềm tin truyền thống mà là gián tiếp thông qua sự cầu nguyện của tổ tiên cho con cháu được ơn phước. Sự cầu nguyện của người còn sống dành cho người đã chết là một tín lý của Công giáo. Đối với tín hữu người Việt, niềm tin này càng được củng cố chắc chắn hơn nữa.

“Khi gặp khó khăn, mình cầu nguyện với tổ tiên là tất nhiên, mình cầu nguyện cho người ta, nếu người ta hưởng nhan thánh Chúa thì người ta sẽ cầu lại cho mình” (Nam giới, 39 tuổi, thợ xây dựng, trích phỏng vấn tháng 1/2016). Hoặc “khi gặp khó khăn, mình xin lễ cầu cho tổ tiên, xong, mình mua hoa ra ngoài nghĩa trang, cầu xin, khóc lóc ỉ ôi, cầu khẩn ông bà. Nói chung thì như người đạo mình thì tin người chết vì có linh hồn tồn tại nên mình cầu xin ông bà, ông bà mình mà lên Thiên đàng thì cũng có tiếng nói, mình cầu xin như vậy” (Nữ giới, 25 tuổi, giáo viên cấp I, trích phỏng vấn tháng 10/2015).

Như vậy, có thể thấy rằng dù theo Công giáo hay bất cứ một tôn giáo nào thì đối với người Việt, phong tục thờ cúng tổ tiên luôn có giá trị lớn lao trong đời sống tinh thần và xã hội. Niềm tin vào việc thờ cúng tổ tiên, không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm linh của cá nhân mà còn tạo nên tính chất bền vững cho sự cố kết về mặt tinh thần của cộng đồng. Với vai trò giáo dục đạo đức cho các thành viên trong gia đình và cộng đồng, phong tục này góp phần hình thành nhân cách cá nhân và đặc tính cộng đồng, từ đó tạo ra những giá trị di sản, duy trì sự liên kết các thành viên trong gia đình dòng tộc, sự cố kết tộc người trong quốc gia tạo nên sự ổn định của gia đình, sự toàn vẹn của xã hội. Vì vậy, phong tục này vẫn còn tồn tại bền vững trong xã hội người Việt hiện nay.

2. Quan điểm của Giáo hội Roma đối với phong tục thờ cúng tổ tiên

Trước Công đồng Vatican II, tín đồ Công giáo người Việt đã phải đứng trước lựa chọn tin theo Chúa thì phải từ bỏ việc thờ cúng tổ tiên.

Điều này chẳng khác nào lấy dao cắt một phần da thịt trên thân thể của tín đồ. Bởi vì thờ cúng tổ tiên không đơn thuần chỉ là một nhu cầu về tôn giáo mà còn chứa đựng những tình cảm tự nhiên của con người, những giá trị đạo đức, những ý nghĩa xã hội. Người Việt từ khi sinh ra đã được sống trong một môi trường mà việc thờ cúng tổ tiên là điều đương nhiên, không cần phải giải thích bằng những đạo lý cao siêu, những linh hội từ các bậc hiền triết hay sinh hoạt trong các tổ chức đoàn thể. Các cá nhân tiếp nhận phong tục này hoàn toàn tự nhiên như người ta ăn cơm, uống nước hằng ngày. Tín đồ Công giáo luôn mong muốn bảo vệ giữ vững đức tin nhưng cũng luôn mong muốn được giữ gìn đạo hiếu theo truyền thống của dân tộc. Điều đó tạo nên một gánh nặng luôn day dứt, trăn trở trong đời sống tinh thần của giáo dân. Họ lo sợ có tội với Chúa vì gây “rối đạo” nhưng lại cảm thấy có lỗi với lương tâm, với tổ tiên vì không được thờ cúng tổ tiên.

Lập trường của Giáo hội Roma khi bắt đầu tiến hành truyền giáo ở Phương Đông là tôn trọng văn hóa bản địa, không cấm giáo hữu thờ cúng tổ tiên, điều đó được thể hiện trong tinh thần của Huấn dụ ngày 10/11/1659 của Bộ Truyền giáo trao cho hai giám mục tiên khởi là Francois Pallu (1626-1684) và Lambert de la Motte (1637-1693), khi hai giám mục lên đường đến Đàng Trong và Đàng Ngoài. “Các vị đừng có tìm cách, đừng có tìm lý lẽ để thuyết phục các dân tộc thay đổi nghi thức của họ, tập tục và phong hóa của họ, trừ ra khi tất cả đó rõ ràng là trái ngược với tôn giáo và luân lý. Không có gì bất hợp lý bằng đem nước Pháp, nước Tây Ban Nha hay nước Italia hay một nước Âu Châu nào khác vào Trung Quốc. Đừng đem đến cho các dân tộc ấy xứ sở của các vị, mà chỉ đem đến đức tin, một đức tin không từ chối cũng không làm thương tổn các nghi thức, các tập tục của bất cứ một dân tộc nào, miễn là tất cả đó không có gì là xấu, mà trái lại, đức tin của chúng ta muốn người ta cứ giữ và bảo vệ các thứ đó”²⁰. Tuy nhiên, khi các thừa sai nhìn thấy phong tục thờ cúng tổ tiên ở vùng Viễn Đông mang những biểu hiện của tôn giáo, thể hiện niềm tin của người dân vào ông bà tổ tiên đã mất, vào các bậc anh hùng có công với đất nước vào các bậc tổ nghề thì đa số các giáo sĩ cho rằng điều đó đã vi phạm vào đức tin thờ một Thiên Chúa duy nhất của giáo lý Công giáo. Muốn bảo vệ được đức tin toàn vẹn thì phải loại bỏ hết những phong tục đó.

Vấn đề “Nghi lễ Phương Đông” được tranh luận công khai qua sự kiện của giáo sĩ Mateo Ricci. Khi giáo sĩ Mateo Ricci (1552-1610) thuộc Dòng Tên được lệnh sang truyền giáo ở Trung Quốc, ông đã dùng

cách hội nhập văn hóa bản địa để rao giảng tin mừng tại Trung Hoa. Ông cho phép tín hữu được giữ những tập tục liên quan đến việc thờ cúng Khổng Tử, tổ tiên. Việc làm của giáo sĩ Ricci đã gây ra sự phản đối của giáo sỹ dòng Đa Minh. Cuộc tranh cãi đẩy đến mức xung đột giữa hai dòng này. Tòa Thánh Roma kết án giáo sĩ Ricci về tội đã làm rối đạo. Bộ Truyền giáo (Bộ Phúc Âm hóa ngày nay) đã kết luận người Công giáo không được thờ cúng Khổng Tử và tổ tiên. Năm 1645, giáo sỹ Dòng Tên gọi tới Thánh bộ (Bộ Đức Tin ngày nay) nói rõ nghi lễ thờ kính Khổng Tử và tổ tiên chỉ mang tính xã hội chứ không mang tính tôn giáo nên không cấm. Đến năm 1656, Thánh bộ lại tuyên bố các nghi thức thờ cúng Khổng Tử và tổ tiên không có gì là nghịch đạo²¹.

Sau đó Giáo hoàng Clement XI (1700-1721) triệu tập hội nghị về vấn đề thờ cúng tổ tiên. Ngày 20/11/1704, Giáo hoàng phê chuẩn một sắc thư của Thánh bộ chính thức ban hành lệnh cấm với 4 điều:

Cấm dùng chữ “Thiên” hoặc “Thượng Đế” để chỉ Thiên Chúa.

Cấm treo trong thánh đường những tấm bảng có ghi chữ “Kính Thiên”.

Cấm cúng tế Khổng Tử, ông bà cha mẹ.

Cấm đặt bài vị trong nhà riêng²².

Ngày 19/3/1715, Giáo hoàng Clement XI ra *Tông hiến Exilladie* nhắc lại điều cấm đoán trong sắc thư của Thánh bộ năm 1704, đồng thời ra lệnh bắt buộc các dòng truyền giáo và các thừa sai phải tuân theo phục các điều khoản của Tông hiến này, nếu không sẽ bị phạt vạ tuyệt thông. Điều này dẫn đến tình trạng ở Trung Quốc không còn ai để thực hiện các bí tích. Các thừa sai Dòng Tên trong triều đình thì không thực hiện mục vụ để khỏi trái lệnh của Tòa Thánh và không bị trục xuất khỏi Trung Quốc. Để giải quyết tình hình này, năm 1720, Sứ thần Mezzabarba được cử sang Trung Quốc. Ông cho phép giáo dân được thực hiện việc thờ cúng Khổng Tử và tổ tiên theo một số nghi thức địa phương như: được sử dụng bài vị có ghi tên người quá cố, được tham dự các nghi lễ Trung Quốc không có vẽ mê tín dị đoan, được tham dự những nghi lễ có tính cách xã hội tôn thờ Khổng Tử, được lạy, dâng thịt, hoa quả, nhang hương trước bài vị, linh cữu và trước mộ người quá cố miễn là các giáo hữu từ bỏ, xa lánh mọi tư tưởng dị đoan. Những điều cho phép này được ban hành ngày 4/11/1721 nhằm nói rộng những điều cấm của Tông hiến Exilladie và đồng nghĩa với việc làm cho Tông hiến này coi như không còn hiệu lực²³.

Cuộc tranh luận, kiện cáo trong Giáo hội về vấn đề nghi lễ Phương Đông, trong đó có việc thờ cúng tổ tiên kéo dài suốt 100 năm trải qua mười đời giáo hoàng, từ Giáo hoàng Urbano VIII (1623-1644) đến Giáo hoàng Innocent XIII (1721-1724), vẫn không ngã ngũ. Trong thời gian này, các thừa sai xử sự theo suy nghĩ và sự hiểu biết của mình đối với vấn đề nghi lễ Phương Đông. Cuối cùng, cuộc tranh luận kết thúc vào thời Giáo hoàng Benedict XIV (1740-1758). Khi lên cầm quyền, muốn chấm dứt tận gốc vấn đề này, Giáo hoàng đã ban *Tông chiếu Exquo Singulari* năm 1742 cùng *Sắc chỉ Omnium Sollicitudo* năm 1744. Giáo hoàng truyền tất cả các linh mục, hội truyền giáo phải tuân theo Tông chiếu Exilladie và sẽ phạt vạ tuyệt thông tất cả những ai bất tuân. Giáo hoàng cấm người Công giáo Phương Đông không được dùng lễ nghi tập tục bản địa để mai táng, tưởng niệm, cầu nguyện cho người quá cố. Đến lúc đó, sự tranh cãi về việc thờ cúng tổ tiên tạm chấm dứt và cho đến trước Công đồng Vatican II thì việc thờ cúng tổ tiên trong số đông người Công giáo Việt Nam phải bỏ hẳn những nghi thức địa phương, còn một số vẫn giữ những tập tục cổ truyền nhưng bị giáo quyền cho là mê tín dị đoan, gây rối đạo và lỗi luật Hội Thánh.

Những quyết định của Tòa Thánh xuất phát từ những báo cáo của các giáo sĩ truyền giáo. Quan điểm của các giáo sĩ, các dòng truyền giáo về vấn đề thờ cúng tổ tiên là khác nhau, nhưng nhìn chung thì có hai quan điểm là phản đối và không phản đối. Những người phản đối nghi lễ Phương Đông đã thuyết phục được những người lãnh đạo Giáo hội. Giáo hội dựa trên những báo cáo đó cùng với việc dựa vào tín lý thần học mà ra quyết định cấm thờ cúng tổ tiên theo nghi lễ Phương Đông. Ở Việt Nam có ba dòng truyền giáo chủ yếu là Dòng Tên của Bồ Đào Nha, dòng Đa Minh của Tây Ban Nha và Hội Truyền giáo Nước ngoài Paris. Dòng Đa Minh và dòng Paris phản đối quyết liệt việc Dòng Tên nhân nhượng với nghi lễ Phương Đông, cho phép giáo hữu thờ cúng tổ tiên. Họ đã kiện Dòng Tên tại Tòa Thánh Roma. Sự phản đối và kiện cáo về nghi lễ Phương Đông của các dòng thừa sai trên là một trong những nguyên nhân làm cho Tòa Thánh quyết định giải tán Dòng Tên vào năm 1773²⁴.

Các thừa sai Dòng Tên coi việc thờ cúng tổ tiên và các nghi lễ Phương Đông đơn thuần mang tính xã hội, biểu thị sự tôn kính và hiếu thảo của người Việt và không cấm tín hữu tham dự các hoạt động thờ cúng đó. Các giáo sĩ này nhận thấy rằng dù các tín đồ có thờ cúng tổ tiên thì họ vẫn tôn thờ Chúa, Chúa vẫn là đáng tối cao, là niềm tin cao nhất trong

lòng họ. Giáo dân hoàn toàn không đặt tổ tiên ngang hàng với Chúa. Niềm tin vào tổ tiên là trong tình cảm về sự thương yêu của người quá cố dành cho con cháu của mình cho dù là lúc còn sống hay đã qua đời. Các giáo sỹ Dòng Tên cũng nhận thấy rằng việc hội nhập văn hóa tạo thuận lợi rất nhiều cho công cuộc truyền giáo, tranh thủ được nhà cầm quyền đương thời và vừa lòng giáo dân tân tông. Vì vậy, khi các giáo sỹ Dòng Tên truyền giáo ở Việt Nam, họ đã cho phép tín đồ vẫn được duy trì các phong tục thờ cúng tổ tiên theo truyền thống. “Nhiều nghi lễ ma chay tống táng, kính nhớ người quá cố giáo dân vẫn được giữ lại sau khi loại trừ những gì có vẻ mê tín hay vô lý. Giáo dân được phép vái lạy và còn được phép làm cỗ cúng để tỏ lòng biết ơn người quá cố đã sinh ra và để lại hương hỏa gia nghiệp cho mình, chỉ phải kiêng không được gọi hồn ông bà về ăn của cúng”²⁵.

Đối với các thừa sai dòng Đa Minh và Hội Thừa sai Paris, họ quan niệm về các giá trị văn hóa Phương Đông rất cực đoan. Các giáo sỹ coi việc thờ cúng tổ tiên và các nghi lễ tập tục truyền thống của người Việt là những mê tín dị đoan, những đạo rối và cấm các tín hữu duy trì các phong tục đó. Họ hoàn toàn không chấp nhận việc các tín đồ người Việt thờ cúng tổ tiên bởi vì giáo sỹ dựa trên tín lý “Thờ phượng một Đức Chúa Trời trên hết mọi sự”²⁶, không được thờ phượng bất cứ gì trên thế gian này là vật thụ tạo của Chúa Trời, con người chỉ là một sinh vật được Thiên Chúa tạo ra. Các giáo sỹ thừa sai Đa Minh và Paris cự tuyệt những giá trị văn hóa Phương Đông vì sợ sẽ làm lu mờ đức tin Công giáo.

Những khác biệt trong nhận thức làm cho các dòng truyền giáo ở Việt Nam xuất hiện những mâu thuẫn trong vấn đề ứng xử với văn hóa tôn giáo bản địa. Các thừa sai Dòng Tên rất thất vọng vì sự cứng nhắc của các thừa sai Đa Minh và thừa sai Paris, bởi vì việc đó sẽ làm hạn chế sự đón nhận Công giáo của người Việt Nam. Các thừa sai dòng Đa Minh là những người đầu tiên yêu cầu các giáo sỹ Dòng Tên phải trả lời về việc cho phép bốn đạo thờ cúng tổ tiên ở Trung Quốc và đã đưa vấn đề này ra trước Giáo hội Roma. Ở Việt Nam, họ đã đến Đàng Ngoài năm 1676 để thu thập các vấn đề cúng giỗ đang thịnh hành lúc đó gửi về Malina xin giải đáp²⁷. Năm 1682, Hội nghị tôn giáo ở Đàng Trong được tổ chức. Mặc dù các thừa sai Dòng Tên lên tiếng về việc nên chấp nhận việc thờ cúng tổ tiên của người Việt nhưng các thừa sai Pháp tuyên bố không chấp nhận bất cứ một sự thỏa hiệp nào và vẫn cấm người Việt thờ cúng tổ tiên²⁸.

Trong các thư chung của giáo sỹ dòng Đa Minh trong đó có thư của Pater Lui Huy, Bề trên Đại diện Tông tòa địa phận Đông nước An Nam viết tại nhà riêng tại Trà Lũ ngày 7/6/1759 gửi cho các giáo sỹ và tín đồ trong địa phận có nói về 36 sự rối nước An Nam, trong đó nói đến rất nhiều sự rối của việc thờ cúng tổ tiên. Tự trung lại, vị đại diện cấm các tín đồ không được làm lễ tang, mai táng, tưởng niệm và thờ cúng người thân qua đời theo lễ nghi tập tục bản xứ²⁹. Giám mục Marie Gendreau cai quản địa phận Hà Nội từ 1892 - 1935, trong Thư chung của ông gửi cho các tín hữu và linh mục đã khẳng định những đối tượng không được thờ kính: ma quỷ, những đáng sáng lập đạo khác như đức Khổng Tử, đức Phật, ông bà ông vải. Những nơi cấm đến: đền chùa, những đình làng có thờ thần, không được cho mượn các đồ thờ³⁰.

Nguyên nhân có sự khác biệt trong nhận thức của các thừa sai đối với văn hóa, phong tục truyền thống của các nước Phương Đông ngoài đầu óc tự tôn văn hóa của mình còn là do trình độ học vấn. Các thừa sai Hội Truyền giáo nước ngoài Paris chủ yếu được đào tạo về giáo lý thần học những công việc thuần túy của tôn giáo, ít có điều kiện trau dồi thêm những kiến thức văn hóa lịch sử. Thụ phong linh mục xong, họ được gửi ngay tới các xứ truyền giáo. Hơn nữa, họ chịu ảnh hưởng của phái Jansen, cho nên tỏ ra rất khắt khe trong các luật lệ của Giáo hội, rất cứng nhắc trong cách ứng xử với các nghi lễ và giá trị văn hóa bản xứ. Họ chống đối và tham gia vào phe chống đối các nghi lễ Phương Đông rất tích cực³¹. Trong khi đó, người sáng lập Dòng Tên - Linh mục Ignace de Loyola, quan niệm rằng muốn lôi kéo được người theo đạo thì bản thân giáo sỹ phải có một nền tảng văn hóa cao³². Vì vậy, các thừa sai Dòng Tên là những người uyên bác, coi trọng học thuật, hiểu biết văn hóa các nước mà họ truyền giáo. Nhiều thừa sai Dòng Tên, bên cạnh việc giảng đạo, còn chiếm được tình cảm của chính quyền và dân chúng bản xứ bởi phong cách cởi mở, hòa nhập, cùng những kiến thức về thiên văn, địa lý, y học³³.

A. Rhodes là một giáo sỹ Dòng Tên, rất giỏi tiếng Việt, am tường về cuộc sống văn hóa của người Việt, có chủ trương mềm dẻo đối với văn hóa tập tục bản địa. Khi mới đến Việt Nam, ông nhìn thấy phong tục thờ cúng tổ tiên có nhiều sự “đối trá dị đoan”³⁴, nhưng sau đó bản thân ông lại nhìn thấy những tâm tình biết ơn của giáo dân đối với tổ tiên, “những tâm tình mà Trời đặt trong lòng mọi người”, đồng tình với phong tục này sau khi loại bỏ đi những điều không phù hợp “có người muốn bãi bỏ hết

các nghi lễ thường làm ở xứ này để cầu siêu đối với vong linh người quá cố... Thực ra có một vài nghi lễ giáo dân không nên làm vì sợ tội thì đa số kẻ như vô thường vô phạt và chúng tôi cho là có thể được duy trì mà không phạm tới sự thánh thiện của đạo ta”³⁵.

Khi công cuộc truyền giáo được tiến hành tại vùng Viễn Đông, các thừa sai Dòng Tên nhận ra rằng công cuộc truyền giáo muốn đạt kết quả tốt phải gắn liền với việc tôn trọng các giá trị văn hóa bản địa. Tuy nhiên, đa số các giáo sỹ của các dòng truyền giáo khác lại không quan tâm đến điều đó. Khi truyền đạo tại Phương Đông, ngoài nhiệt huyết truyền giáo, gieo hạt giống Tin Mừng cho dân ngoại giáo, các giáo sỹ còn mang theo bản phận phải cứu giúp người Phương Đông ra khỏi những niềm tin tôn giáo lầm lạc³⁶. Với tư tưởng lấy văn hóa tôn giáo Châu Âu làm trung tâm, làm thước đo cho các nền văn hóa khác, nhiều giáo sỹ và những người có chức quyền của Tòa Thánh Roma đã không tránh được cái nhìn phiến diện, tự phụ chủ quan. Họ đã không hiểu và có lẽ không cần hiểu các nghi lễ và tập tục Phương Đông. Khi phải xem xét các nghi lễ đó thì những người lãnh đạo Giáo hội lại qua lăng kính của tín lý thần học, những gì trái với tín lý sẽ bị coi là phạm luật. Vì vậy, các giáo sỹ này chỉ nhìn thấy cái vỏ bề ngoài mê tín dị đoan của các nghi lễ cúng bái mà không hiểu được giá trị đạo đức xã hội của việc thờ cúng tổ tiên. Đa số những nhà truyền giáo đã muốn xóa bỏ những nghi lễ, tập tục của văn hóa Phương Đông và áp đặt ngay lên giáo đoàn non trẻ những nghi lễ, tập tục và cả lối sống từ quê hương của họ. Với tư tưởng không chỉ rao giảng Tin Mừng mà còn có sứ mệnh “khai hóa văn minh” cho dân bản xứ, các thừa sai có thể lực trên các xứ truyền giáo đã tham mưu cho giáo quyền đưa ra những quyết định sai lầm và gây tác hại cho công cuộc truyền giáo cũng như cuộc sống của các tín đồ. Hậu quả của những sai lầm trên là số lượng tín đồ Công giáo ở Việt Nam không nhiều như mong ước của nhà truyền giáo và những người theo Công giáo đa phần cũng chỉ là những người ở tầng lớp dưới, nghèo khổ không biết bám víu vào đâu³⁷.

Đối với giáo dân Việt Nam, những quyết định của Giáo hội Roma đã làm cho người Công giáo bị những người ngoài Công giáo chế giễu, chê bai qua các bài thơ, bài vè là những người không biết gì đến đạo hiểu với ông bà cha mẹ tổ tiên. Mặc dù người Công giáo cũng luôn bày tỏ lòng hiếu thảo của mình qua kinh nguyện, nghi lễ cho người đã khuất nhưng đó là những hình thức của văn hóa Phương Tây, còn người Phương Đông, người Việt Nam thì cảm thấy hoàn toàn xa lạ. “Người ngoài Công

giáo nhìn người Công giáo như những nhóm người đặc biệt, có dấu hiệu kỳ lạ, hội họp với nhau và cử hành những nghi lễ mà đồng bào chung quanh không hiểu gì cả, lại gần bó với người nước ngoài và tuân theo các luật lệ của nước ngoài cho nên dư luận mất dần thiện cảm, quan ngại lo lắng về sự phát triển của Công giáo”³⁸.

Việc cấm thờ cúng tổ tiên đã trở thành một “tác nhân kèm theo” gây nên các cuộc xung đột Lương - Giáo cuối thế kỷ XIX³⁹. Không chỉ dừng lại ở việc bị cộng đồng xa lánh mà tín đồ Công giáo còn phải chịu một hậu quả nặng nề khác, đó là phải dùng mạng sống của mình để bảo vệ đức tin qua các cuộc cấm đạo, giết đạo của chính quyền quân chủ. Nguyên nhân của việc này ngoài những lý do về chính trị, xã hội thì còn có một lý do nữa để các vua ra lệnh cấm đạo là để bảo vệ các giá trị văn hóa truyền thống trong đó có việc thờ cúng tổ tiên. Trong chỉ dụ cấm đạo năm 1785 dưới thời Tây Sơn cho thấy điều đó. “Nay ta muốn loại khỏi đất nước ta một tôn giáo của Châu Âu đã được truyền bá vào đây. Một tôn giáo không nhìn nhận cha, không nhìn nhận vua, không thờ cúng thần linh”⁴⁰. Đối với Nguyễn Phúc Ánh khi nhờ đến sự giúp đỡ của Giám mục Pigneau và của người Pháp thì “có thể chưa lo sợ Công giáo tiếp tay với ngoại bang để cướp nước nhưng lo sợ Công giáo sẽ trở thành một tập thể tách rời khỏi cộng đồng dân tộc, “một nước trong một nước”⁴¹. Vì vậy, khi lên ngôi, Gia Long và những người kế tục, như Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, đã luôn có những cảnh giác và mất dần đi thiện cảm đối với Công giáo.

Những lệnh cấm của Tòa Thánh với mục đích là để bảo vệ tín lý thần học nhưng đã gây ra hậu quả không tốt cho tín đồ. Giáo dân Việt Nam không những luôn mang theo nỗi day dứt đối với việc bị cấm thờ cúng tổ tiên mà còn phải trả giá quá lớn để bảo vệ đức tin của mình. Nếu như các giáo sỹ thừa sai và Tòa Thánh Roma hiểu được ý nghĩa của việc thờ cúng tổ tiên của người Việt và không quá vội vàng, khắt khe trong việc đưa ra các lệnh cấm thì giáo dân Việt Nam đã không phải chịu những thử thách nặng nề trong lịch sử.

3. Thái độ, ứng xử của tín đồ đối với việc cấm thờ cúng tổ tiên của Giáo hội

Khi được hỏi về những quyết định của Giáo hội trước Công đồng Vatican II có ảnh hưởng như thế nào đến tín đồ Công giáo ở Việt Nam, Linh mục chánh xứ Lộc Hòa cho rằng nếu như Giáo hội không quá vội

vàng và khát khe trong quyết định của mình thì có lẽ số lượng người Công giáo ở Việt Nam hiện tại có thể chiếm tới 50% dân số bởi vì đạo hiểu là đạo đức nền tảng của người Việt, việc thờ cúng tổ tiên thể hiện điều đó, trong khi đó giáo lý Công giáo không mâu thuẫn với đạo hiểu của người Việt. Các quan niệm về cuộc sống hiện tại cũng như cái chết của đức tin Công giáo rất gần gũi với quan niệm truyền thống của người Việt. Nếu được dung hòa giữa hai hệ giá trị này thì nhiều người Việt sẽ dễ dàng chấp nhận Công giáo hơn (trích nhật ký điền dã, tháng 7/2012).

Tín đồ Công giáo khi tuyên tín vào Thiên Chúa thì chỉ có Thiên Chúa là đáng tối cao mà họ tôn thờ, còn đối với ông bà cha mẹ thì chỉ là thể hiện sự tưởng nhớ chứ không phải là thờ phượng như Thiên Chúa. Tuy nhiên, giáo dân vẫn cần việc thờ cúng tổ tiên như là một nhu cầu không thể thay thế trong cuộc sống tinh thần của họ. Giáo dân đã chấp nhận loại bỏ hết những gì là yếu tố tôn giáo trong thờ cúng tổ tiên nhưng họ vẫn cần những lễ nghi truyền thống để thể hiện đạo hiếu từ ngàn đời nay của dân tộc. Những lễ nghi này chứng minh họ vẫn là người Việt, theo Công giáo nhưng không phải là những kẻ bỏ cha bỏ mẹ không thờ. Đứng trước một sự lựa chọn giữa việc theo Chúa và việc thờ cúng tổ tiên thì họ đã có những ứng xử khác nhau, đồng thời cũng tùy theo việc họ chịu sự quản lý của những dòng truyền giáo nào.

Khi Giáo hội ra lệnh cấm việc thờ cúng tổ tiên vào năm 1742 thì tín đồ cũng không thể bỏ đạo hay không vâng phục, nhưng họ cũng không thể bỏ thờ cúng tổ tiên. Nếu như không tuân theo ý chỉ của Giáo hội thì sẽ bị rút phép thông công, đó là hình thức bị phạt nặng nề nhất của người theo Công giáo. Nếu từ bỏ thờ cúng tổ tiên thì sẽ mang tội bất hiếu, bất nghĩa không chỉ với tiếng đời mà với chính bản thân mỗi người khi không thể làm tròn trách nhiệm với tổ tiên của mình. Người Việt vốn là một dân tộc rất linh hoạt, khéo léo trong ứng xử cho nên họ sẽ có nhiều cách để dung hòa việc theo Chúa nhưng không phải day dứt vì phải từ bỏ ông bà tổ tiên của mình. Cách ứng xử của nhiều giáo dân lúc này là gửi bàn thờ tổ tiên, bát nhang sang nhà hàng xóm không theo Công giáo hoặc giấu một chỗ kín trong nhà như trong chum vại hoặc kho thóc để tránh làm trái ý Giáo hội nhưng đồng thời vẫn có thể thờ cúng tổ tiên của mình dù không được công khai⁴². Hương ước các làng Công giáo ở vùng đồng bằng Bắc Bộ cho thấy nhiều làng có các hình thức thờ cúng tổ tiên, thờ tiền nhân lập làng hoặc có công khai khẩn⁴³.

Ở nhiều nơi, giáo dân đã kết hợp giữa tâm thức bản địa với nghi thức Công giáo nhằm thể hiện tấm lòng và bổn phận với tổ tiên. Theo tác giả Lê Đức Hạnh, đối với những giáo dân dưới sự quản lý của Hội Truyền giáo nước ngoài Paris thì họ cúng hậu cho nhà thờ và xem đó là một hình thức thờ tổ tiên. “Thời điểm cuối thế kỷ XIX ngày càng nhiều người nộp tiền cửa, đất đai vào nhà thờ để xin lễ hậu. Người xin cúng hậu gồm cả người có con trai và người không có con trai nối dõi. Đôi khi con trai của người nào đó đem ruộng đất, hương hỏa của cha mẹ để lại cúng hậu vào nhà thờ để hàng năm nhà thờ lo cầu nguyện linh hồn cho bố, mẹ (hoặc có khi cả ông bà) vào ngày giỗ. Dần dần, cúng hậu đã trở thành một vấn đề mà không chỉ linh mục, giám mục mà cả Tòa Thánh La Mã quan tâm. Năm 1905, Tòa Thánh La Mã ban sắc truyền về cúng hậu”⁴⁴.

Những cách ứng xử như trên của tín đồ, ngày nay có thể không còn thấy nữa trong cộng đồng. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn thấy còn tồn tại một hình thức rất giống với cách ứng xử trên. Trong nhà của những người phụ nữ lớn tuổi, chồng đã mất từ lâu, họ thường để bàn thờ tổ tiên ở gian nhà trong, tương đối kín đáo. Theo người cộng tác viên, đặt bàn thờ như vậy sẽ dễ dàng cho việc thấp nhang và sớm tối đọc kinh cầu nguyện cho tổ tiên vì người già thường ít ngủ, nếu không ngủ được thì họ ngồi ngay tại trên giường không cần đi đâu xa, hướng về bàn thờ đọc kinh cầu nguyện cho gia đình và người đã mất. Việc đặt bàn thờ ở gian nhà trong có lẽ còn do thói quen từ các thế hệ trước để lại nhằm ứng phó với lệnh cấm của Giáo hội (trích nhật ký điền dã tháng 7/2012).

Đối với người Công giáo thì dường như họ chưa bao giờ quên việc thờ cúng ông bà tổ tiên của mình. Dù có bị cấm thì trong suy nghĩ và trong cả hành vi của họ, việc thờ cúng tổ tiên vẫn luôn tồn tại. Khi chúng tôi tiến hành điền dã tại giáo xứ Lộc Hòa vào tháng 7/2012, hỏi một nam giáo dân, 36 tuổi, đang làm nghề lái xe là gia đình có thờ cúng tổ tiên không thì anh ta trả lời có, đồng thời nhấn mạnh “Nhà nào chẳng thờ ông bà tổ tiên”. Điều đó cho thấy việc thờ cúng tổ tiên là việc mà gia đình người Việt Nam nào cũng thực hiện. Người Công giáo lại càng cho rằng việc thờ cúng tổ tiên là việc mà họ phải làm và có vị trí hàng đầu trong đời sống tinh thần. “Việc thờ cúng tổ tiên là một trong những yếu tố hàng đầu ngoài việc tôn thờ Thiên Chúa, ngoài ra bàn thờ tổ tiên thì không thể thiếu trong từng gia đình của người Công giáo” (Nữ giới, 30 tuổi, tu sĩ, trích phỏng vấn tháng 7/2012).

Khi được hỏi: Nếu bây giờ, Giáo hội ra lệnh cấm người Việt thờ cúng ông bà tổ tiên thì phải làm như thế nào, thì người được hỏi dù ở độ tuổi nào cũng đều không trả lời là phải vâng lệnh Giáo hội mà thể hiện thái độ không chấp nhận việc bị cấm thờ cúng tổ tiên và mỗi người sẽ có những cách làm để duy trì việc thờ cúng tổ tiên. Ví dụ:

“Nếu muốn cấm thờ cúng tổ tiên thì phải đưa ra những lý do thuyết phục, còn không thì tôi giữ lại bản sắc của dân tộc. Bởi vì chưa chắc những điều luật mà Vatican đưa ra thì luôn đúng, đó chỉ là một nơi đại diện cho Thiên Chúa ở trần gian, do con người làm chứ không phải Thiên Chúa làm nên sẽ có những sai sót” (Nam giới, 42 tuổi, giáo viên, trích phỏng vấn tháng 6/2012), hoặc “Nếu như cấm thì trong nhà sẽ không lập bàn thờ, mình sẽ để hình ở một nơi nào đó để người khác không thấy nhưng mình sẽ nhìn thấy hằng ngày. Giữa một bên là bố mẹ ông bà tổ tiên, một bên là Chúa mình không thể bỏ ai lấy ai được. Mỗi người sẽ có cách riêng để hình ảnh ở một nơi nào đó, còn nếu cấm không được thờ tổ tiên thì chắc không ai chịu” (Nữ giới, 27 tuổi, công nhân, trích phỏng vấn tháng 7/2012).

Đa số những cộng tác viên trẻ tuổi đều không biết đến việc Giáo hội cấm thờ cúng tổ tiên trước Công đồng Vatican II, nếu có biết thì cũng chỉ đôi khi nghe người ngoài Công giáo hỏi “người Công giáo có thờ ông bà không?”. Tuy nhiên, khi được nói lên cách ứng xử của mình thì lại rất giống với cách mà các thế hệ trước đã làm. Dù được phép hay không, tín đồ nếu muốn thì họ vẫn có những cách thức riêng để thể hiện trách nhiệm đạo hiếu của mình đối với tổ tiên như suy nghĩ của một nữ tín đồ, 24 tuổi, đang làm công nhân “nếu người ta muốn làm thì cấm cách này người ta sẽ làm cách khác” (trích phỏng vấn tháng 7/2012).

Theo chúng tôi, trong suy nghĩ của nhiều giáo dân lớn tuổi đã trải qua thời kỳ trước Công đồng Vatican II thì việc thờ cúng tổ tiên lúc đó chỉ chưa được đầy đủ nghi thức như hiện tại chứ người Công giáo không phải bị buộc phải từ bỏ hoàn toàn việc tưởng nhớ đến tổ tiên ông bà.

“Có một thời gian nhưng không phải là cấm, lúc bấy giờ hiểu là chưa được đổi mới, còn vướng mắc nhưng sau Vatican II thì được cởi mở và rất thoải mái, ai cũng có tổ tiên và không có gì là lỗi cả, trước đó thì không hẳn là cấm mà không nên thờ cúng tổ tiên” (Nữ giới, 70 tuổi, trích phỏng vấn tháng 7/2012).

Trong tâm tình của giáo dân, thờ cúng tổ tiên là một trách nhiệm mà họ chưa bao giờ bị quên lãng. Vì vậy, dù là những người rất sùng đạo,

luôn tuân thủ những quy định của Tòa Thánh nhưng tín đồ vẫn duy trì phong tục thờ cúng tổ tiên theo cách riêng của họ. Trước những cấm cản từ phía Giáo hội, người Công giáo Việt Nam luôn biết cách ứng xử sao cho hợp tình hợp lý nhất. Giáo dân làm những việc vừa đảm bảo sao cho phù hợp với truyền thống đạo hiếu nhưng đồng thời cũng không lỗi luật Hội Thánh.

Tín đồ người Việt không chỉ dừng lại ở việc tiếp nhận những quyết định của Tòa Thánh một cách thụ động, ngồi im chờ đợi sự thay đổi của phía giáo quyền mà họ luôn có chính kiến riêng của mình đối với các quyết định của Tòa Thánh liên quan đến việc thờ cúng tổ tiên. Trong tập bản thảo của nhà nghiên cứu Hồng Nhuệ - Nguyễn Khắc Xuyên về lá đơn của giáo dân Annam gửi cho Tòa Thánh đề đạt những ý kiến của họ về việc cấm thờ cúng tổ tiên của Giáo hội được tìm thấy trong văn khố của Hội Truyền giáo nước ngoài Paris cho thấy tình cảm cũng như chính kiến của giáo dân đối với việc thờ cúng tổ tiên.

Lá đơn được viết bằng chữ Quốc ngữ, theo văn phong và cách viết của thế kỷ XIX với cách trình bày rất mộc mạc. Giáo dân Việt Nam đã trình bày lên Tòa Thánh ý kiến của họ với một lý lẽ vững chắc, suy tư khá rộng rãi và một nỗi lòng khao khát được Tòa Thánh xem xét, chấp nhận cho người Công giáo Việt Nam được giữ gìn truyền thống thờ cúng tổ tiên của mình. Tín đồ đã mạnh dạn và chủ động xin Tòa Thánh cân nhắc lại những quyết định về vấn đề thờ cúng tổ tiên để họ được thoát khỏi những khốn khổ về tinh thần mà họ đang phải gánh chịu.

Đối với việc Tòa Thánh cấm giáo dân bái lạy người quá cố vì cho rằng vi phạm điều răn thứ nhất - chỉ thờ phượng một Đức Chúa Trời thì trong thư trình Tòa Thánh, giáo dân liên hệ việc con cháu lạy tiền nhân cũng giống như triều thần lạy vua chúa, học trò lạy thầy đồ... chẳng những dân Annam mà các thừa sai ngoại quốc sang Annam giảng đạo vào gặp vua quan cũng phải lạy. Giáo dân dẫn việc Thánh Igreja làm phép xác theo nghi thức của Hội Thánh cho người chết như xông hương, đốt nến, vẩy nước thánh, làm phép xác, làm phép quan tài, phép huyệt, phép mồ,... để chứng minh việc bái lạy người chết cũng giống như các nghi thức tôn trọng người chết của Giáo hội. Đối với cái xác mà còn có những nghi thức trọng thể dường ấy thì sao lại cấm con cháu lạy xác ông bà cha mẹ đã sinh thành dưỡng dục mình. Giáo dân còn dẫn chứng nghi thức vái lạy cũng đâu trọng bằng nghi thức của Hội Thánh. Họ đặt câu hỏi với Hội

Thánh, cũng là coi trọng cái xác không hồn nhưng theo tập tục bản xứ thì bị cấm còn theo tập tục của Hội Thánh thì không. Giáo dân cũng khẳng định rằng nghi thức của Giáo hội cử hành trước thi hài, nắm mồ người qua cổ không là đối trá dị đoan thì nghi thức bái lạy linh cữu thân nhân cũng không thể xem là đối trá dị đoan được.

Tín đồ người Việt còn trình bày những khó khăn mà họ phải gánh chịu đó là bị cộng đồng dân cư, bà con thân thuộc không theo Công giáo chê cười và lia bỏ vì “hạng bất hiếu bất kính bỏ cha mẹ ông bà, đến bái lạy từ biệt đấng thân còn không làm được thì còn thảo kính gì?”. Giáo dân xin Tòa Thánh phán dạy lại vì việc cấm đoán này “làm khổn cho chúng tôi lắm”⁴⁵.

Giáo dân Việt Nam có một cơ hội khác để trình bày nguyện vọng với Tòa Thánh xem xét lại việc thờ cúng tổ tiên. Đó là dịp Nguyễn vương Nguyễn Phúc Ánh muốn Giám mục Pigneau nói lại với Tòa Thánh về việc cho phép người Công giáo được giữ lại việc thờ cúng tổ tiên. Nguyễn Phúc Ánh có thiện cảm với Công giáo và muốn tạo điều kiện cho Công giáo phát triển như là cách để trả ơn sự giúp đỡ của Giám mục Pigneau đã giúp đỡ ông giành lại ngai vàng từ nhà Tây Sơn. Tuy nhiên, khi Hoàng tử Cảnh sau thời gian đi với Giám mục Pigneau đã nhất định không chịu lạy trước bàn thờ tổ tiên đã làm cho nhà vua phải dằn đo với Công giáo⁴⁶. Nguyễn vương trao đổi với Giám mục Pigneau “Tôi biết là tổ tiên tôi không còn nữa và tất cả những gì tôi làm không ích gì cho họ và không ích gì cho tôi. Tuy nhiên, tôi muốn chứng tỏ cho mọi người thấy rằng tôi đã không quên họ và muốn cho thần dân của tôi một gương sáng về sự gắn bó của con cái (...) rất mong là tập tục này có thể dung hòa được với Kitô giáo. Bởi vì theo cách nhìn của tôi không còn có một chương ngại đích thực nào khác có thể ngăn cản tất cả vương quốc của tôi theo tôn giáo (...) Tôi đã cấm ma thuật và bói toán. Tôi coi việc thờ cúng thần linh là sai trái và đáng buồn cười nhưng tôi quyết giữ việc thờ kính tổ tiên theo cách thức mà tôi đã trình bày bởi vì tôi đã coi đó là một trong những căn bản của nền giáo dục chúng tôi. Tôi xin quý vị hãy quan tâm đến vấn đề này và cho phép người Công giáo được xích lại gần hơn với tất cả các thần dân khác của tôi. Điều này là ao ước cho mọi người thường và cần thiết đối với người có vị trí cao trong bộ máy nhà nước”⁴⁷. Trước yêu cầu này Giám mục Pigneau đã gửi báo cáo về Tòa Thánh nhằm xem xét lại việc thờ cúng tổ tiên để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của Công giáo tại xứ Annam nhưng yêu cầu này đã bị bỏ qua.

Giáo dân Việt Nam đã viết thư đề đạt nguyện vọng với Giáo hội, ngay cả Nguyễn vương Nguyễn Phúc Ánh vốn không theo Công giáo nhưng cũng mong muốn Công giáo có thể hòa hợp với truyền thống thờ cúng tổ tiên để Công giáo có thể thuận lợi phát triển tại Việt Nam, nhưng tiếc rằng những nguyện vọng đó đã không được trả lời. Giáo hội Công giáo đã không quan tâm đến nguyện vọng của giáo hữu mà chỉ nhất mực hành xử theo những tín lý thần học, theo chuẩn mực của văn hóa Công giáo Phương Tây.

Tín đồ Công giáo người Việt đã cố gắng làm mọi việc để có thể vừa theo Chúa nhưng vẫn duy trì được việc thờ cúng tổ tiên theo truyền thống của dân tộc mình đã có từ hàng ngàn năm qua. Những việc làm tưởng như rất đơn giản với nhiều người nhưng với giáo dân là cả một quá trình đầy gian lao và thử thách, là những tình cảm hết sức lớn lao đối với một phong tục tập quán có phần đi ngược lại với niềm tin Công giáo, là sự cố gắng nỗ lực để dung hợp giữa đức tin Công giáo với truyền thống văn hóa bản địa. Việc thờ cúng tổ tiên của tín đồ Công giáo người Việt đã trải qua những thăng trầm, thách thức lớn lao trong lịch sử. Trải qua nhiều thế kỷ đầy thử thách gian nan, nhưng với tình cảm đạo hiếu không bao giờ phai nhạt dành cho tổ tiên, giáo dân đã được chính thức hóa việc thờ cúng tổ tiên của mình sau Công đồng Vatican II với những nghi thức Công giáo chính danh bên cạnh các nghi thức theo truyền thống của người Việt.

4. Công đồng Vatican II: Sự trở về với cội nguồn văn hóa dân tộc

Cuộc tranh cãi của các dòng thừa sai về vấn đề thờ cúng tổ tiên của giáo dân Á Châu diễn ra hàng thế kỷ, cuối cùng cũng tạm kết thúc sau quyết định của Giáo hoàng Benedict XIV với lệnh cấm tất cả các giáo dân Phương Đông không được thờ cúng tổ tiên vào năm 1742. Từ đó cho đến năm 1939, trong suốt 200 năm, các giáo hữu Phương Đông không được phép thờ cúng tổ tiên theo nghi thức bản địa. Những người lãnh đạo Giáo hội và đa số các thừa sai ở các xứ truyền giáo luôn xem văn hóa tôn giáo Châu Âu là chuẩn mực, là bậc phát triển cao nhất, những gì ngoài Châu Âu đều là lạc hậu thấp kém. Tư tưởng này không những bị người Phương Đông phản đối mà còn nhận sự phản đối từ nhiều nhà tư tưởng Phương Tây. Trường phái Tương đối luận văn hóa phản đối việc lấy quan điểm hệ giá trị của Châu Âu làm chuẩn mực để xét đoán các nền văn hóa khác. Lý thuyết này thừa nhận sự bình đẳng giữa các nền văn hóa, không có nền văn hóa nào tốt hay xấu, cao hay thấp. Mỗi nền văn hóa là thể

hiện sự đa dạng của nền văn hóa nhân loại và chúng ta nên trân trọng sự khác biệt ấy⁴⁸.

Trong những thập niên đầu thế kỷ XX là giai đoạn mà Tương đối luận văn hóa có ảnh hưởng quan trọng đến tư duy người Phương Tây trong việc nhìn nhận văn hóa tôn giáo khác với Phương Tây. Các hệ tư tưởng văn hóa tôn giáo cũng như những biến động của đời sống kinh tế chính trị thế giới sau Chiến tranh Thế giới thứ Nhất và đang bắt đầu của cuộc Chiến tranh Thế giới lần II đã tác động đến nhận thức của những người lãnh đạo Giáo hội Công giáo Roma. Một sự chuyển biến ngay từ năm 1939, Giáo hoàng Pio (Pius) XII đã nhận thấy việc cấm các tín đồ thờ cúng tổ tiên theo các nghi lễ truyền thống Phương Đông là sai lầm, gây cản trở cho quá trình phát triển của Công giáo. Vì vậy, Thánh bộ Truyền giáo ra Huấn thị *Plane Compertum est* (7/12/1939). Huấn dụ này bác bỏ Tông chiếu *Ex illa die* (1715) và Tông chiếu *Ex quo singulari* (1742). Sau đó, Giáo hoàng ra Sắc lệnh *Summi Pontificatus* công nhận những nghi lễ thờ cúng tổ tiên không phải là những nghi lễ tôn giáo, mà chỉ là những biểu thị lòng sùng bái chính đáng đối với những bậc tài đức trong nước cũng như lòng hiếu thảo đối với người quá cố. Do đó, người Công giáo có thể tham dự vào những nghi lễ nói trên⁴⁹.

Ngày 20/10/1964, Tòa Thánh thông qua Bộ Truyền giáo đã chấp thuận đề nghị của các giám mục Việt Nam xin áp dụng Huấn thị *Plane Compertum est* ban hành năm 1939 về việc tôn kính tổ tiên và các bậc anh hùng liệt sỹ cho giáo dân Việt Nam. Hội đồng Giám mục Miền Nam Việt Nam đã họp tại Đà Lạt và ra thông cáo ngày 14/6/1965 về việc thờ cúng tổ tiên và các bậc anh hùng liệt sỹ. Thông cáo nêu rõ: “Nhiều hành vi cử chỉ xưa kia tại Việt Nam có tính cách tôn giáo nhưng nay vì sự tiếp xúc bên ngoài và vì tâm tình tập quán đã thay đổi nhiều nên chỉ còn là những phương cách biểu lộ lòng hiếu thảo tôn kính đối với tổ tiên và các bậc anh hùng liệt sỹ. Những cử chỉ, thái độ nghi lễ có tính cách thế tục, lịch sử và xã giao đó, Giáo hội Công giáo chẳng những không ngăn cấm mà còn mong muốn và khuyến khích cho chúng được diễn tả bằng những cử chỉ riêng biệt của mỗi nước, mỗi xứ và tùy theo trường hợp. Vì thế những cử chỉ, thái độ và nghi lễ tự nó hoặc do hoàn cảnh có một ý nghĩa rõ ràng là để tỏ tình thân ái quốc, lòng hiếu thảo, tôn kính hoặc tưởng niệm tổ tiên nhất là các anh hùng liệt sỹ (như treo hình ảnh, dựng tượng, nghiêng mình bái kính, trưng hoa đèn, tổ chức ngày kỵ giỗ,...) thì được thi hành và tham dự cách chủ động”⁵⁰.

Sau đó, bảy giám mục Việt Nam trong phiên họp ngày 14/11/1974 tại Nha Trang đã cụ thể hóa việc tôn kính ông bà tổ tiên trong đời sống tín đồ Công giáo cũng như để đồng bào lương dân dễ chấp nhận tín ngưỡng Công giáo. Các giám mục đưa ra những quyết định cụ thể hơn về vấn đề thờ cúng tổ tiên đồng thời hướng dẫn giáo dân thực hiện:

- Bàn thờ gia tiên để kính nhớ ông bà tổ tiên được đặt dưới bàn thờ Chúa trong gia đình, miễn là trên bàn thờ không bày biện điều gì mê tín dị đoan như hồn bạch.

- Việc đốt nhang hương, đèn nến trên bàn thờ gia tiên và vái lạy trước bàn thờ, giường thờ tổ tiên là những cử chỉ tôn kính, hiếu thảo được phép làm.

- Ngày giỗ cũng là ngày kỵ nhật được cúng giỗ trong gia đình theo phong tục địa phương, miễn là loại bỏ những mê tín như đốt vàng mã và giảm thiểu, canh cải những lễ vật để biểu dương ý nghĩa thành kính biết ơn ông bà như dâng hoa trái, hương đèn.

- Trong hôn lễ, dâu rể được làm lễ tổ, lễ gia tiên trước bàn thờ, giường thờ tổ tiên vì đó là nghi lễ tỏ lòng biết ơn hiếu kính trình diện với ông bà.

- Trong tang lễ, được vái lạy trước thi hài người quá cố, đốt hương nhang vái theo phong tục địa phương để tỏ lòng cung kính người đã khuất, cũng như giáo hội cho đốt nến xông hương, nghiêng mình trước thi hài người quá cố.

- Được tham dự nghi lễ tôn kính vị thành hoàng, quen gọi là “phúc thần” tại đình làng để tỏ lòng cung kính biết ơn những vị mà theo lịch sử đã có công với dân tộc hoặc là ân nhân của dân làng chứ không phải vì mê tín như đối với “yêu thần, tà thần”.

Trong trường hợp thi hành các việc trên đây sợ có sự hiểu lầm nên khéo léo giải thích qua những lời phân ưu, khích lệ, thông cảm... Đối với giáo dân cần phải giải thích cho hiểu việc tôn kính tổ tiên và các vị anh hùng liệt sĩ theo phong tục địa phương là một nghĩa vụ hiếu thảo của đạo làm con cháu chứ không phải là những việc tôn kính liên quan đến tín ngưỡng, vì chính Chúa cũng truyền dạy “phải thảo kính cha mẹ”, đó là giới răn thứ IV sau việc thờ phượng Thiên Chúa⁵¹.

Thư chung của Hội đồng Giám mục Việt Nam năm 1980 với tinh thần “Xây dựng trong Hội thánh một nếp sống và một lối diễn tả đức tin phù hợp với truyền thống dân tộc”⁵² đã có được những định hướng cụ thể và thống nhất trong cả nước về đời sống tinh thần của giáo dân theo tinh

thần đôi mới, hòa nhập của Công đồng Vatican II. Giáo dân Việt Nam bắt đầu thực hiện những nghi thức thờ cúng tổ tiên vừa phù hợp với văn hóa truyền thống, vừa phù hợp với đức tin Công giáo và với đời sống mới của chính mình.

Trước Công đồng Vatican II, người Việt theo Công giáo luôn cảm thấy “niềm đau nhức xót xa, trải qua bao năm tháng phải luôn sống ngoài lề dân tộc”⁵³, mang mặc cảm vì những vấn đề về lịch sử, về những sự khác biệt trong nghi lễ thờ phượng Thiên Chúa đối với văn hóa truyền thống, nhất là đối với việc thờ cúng tổ tiên. Chính vì vậy, người Công giáo cũng tự tách mình ra khỏi nhiều vấn đề của dân tộc. Họ trở nên lạc lõng trong đất nước Việt Nam. Với sự cởi mở của Công đồng Vatican II, người Công giáo Việt Nam đã thoát khỏi tình trạng đó và họ bắt đầu sống một đời sống tinh thần mới theo hướng dẫn của Hội đồng Giám mục Việt Nam qua Thư chung năm 1980 đó là “Trung thành với tinh thần của Công đồng Vatican II là tinh thần cởi mở, đối thoại và hòa mình với cộng đồng xã hội mình đang sống”⁵⁴. Người Công giáo đã hòa nhập trở lại với cộng đồng dân tộc Việt Nam. Họ có thể cùng với những người ngoài Công giáo tham dự các nghi lễ văn hóa của làng xã nơi mình đang sống mà không sợ lỗi luật Hội Thánh. Tín đồ được thể hiện đạo hiếu của mình qua việc thờ cúng tổ tiên theo nghi thức truyền thống bên cạnh các nghi lễ chính danh của Công giáo. Giáo hội Công giáo ở Việt Nam cũng định hướng việc thờ cúng tổ tiên bằng tên gọi là Tôn kính tổ tiên hoặc Kính nhớ tổ tiên để phù hợp với tín lý Công giáo. Giáo dân đang ngày càng hòa nhập vào với dân tộc trong tinh thần “Kính Chúa yêu nước”, cùng nhau giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống và phát triển đất nước.

Trước Công đồng Vatican II, các giáo sĩ và những người lãnh đạo Giáo hội Công giáo vì quá đề cao đối với nền văn hóa, tôn giáo của mình mà xem thường các giá trị của nền văn hóa, tôn giáo bản địa. Chỉ có một số thừa sai Dòng Tên đã hiểu biết các giá trị của văn hóa Phương Đông và nhận ra rằng công cuộc truyền giáo muốn đạt kết quả tốt phải gắn liền với việc tôn trọng các giá trị văn hóa bản địa. Còn lại đa số các giáo sĩ của các dòng truyền giáo khác lại không quan tâm đến điều đó mà họ muốn áp đặt ngay những quan niệm giá trị văn hóa, tôn giáo của người Phương Tây vào cuộc sống của người dân Annam. Họ chỉ nhìn thấy cái vỏ bề ngoài mê tín dị đoan của các nghi lễ mà không hiểu được giá trị nhân văn, ý nghĩa xã hội của việc thờ cúng tổ tiên, các vị anh hùng có công với đất nước, cũng không hiểu truyền thống tôn sư trọng đạo qua

việc thờ cúng tổ nghề và danh nhân văn hóa. Vì vậy, các giáo sỹ đã ngăn cấm các nghi thức vì sợ làm lu mờ đức tin Công giáo. Tòa Thánh Roma đã dựa vào những lời phản đối nghi lễ Phương Đông chiếm đa số trong các dòng truyền giáo cũng như những ý kiến của những nhà thần học chỉ ngồi nghiên cứu lý thuyết thần học trong phòng kín mà không có những trải nghiệm thực tế tại các xứ Phương Đông để đưa ra những phán quyết sai lầm.

Trong đời sống tinh thần của tín đồ người Việt, việc thờ cúng tổ tiên dường như bị lãng quên trong một thời gian dài vì các lệnh cấm, nhưng đó chỉ là việc lãng quên về các nghi lễ thờ cúng theo truyền thống biểu hiện bên ngoài còn trong tâm tư tình cảm của tín đồ thì phong tục này chưa bao giờ bị mất đi hoàn toàn. Giáo dân đã trình bày những tâm tư tình cảm, mong muốn của mình với Hội Thánh đối với việc được duy trì việc thờ cúng tổ tiên. Dù không được trả lời nhưng giáo dân Việt Nam cũng không thụ động tuân theo một cách máy móc những quyết định của Tòa Thánh. Giáo dân luôn có những cách riêng để tưởng nhớ đến tổ tiên theo nghi thức truyền thống, đồng thời cầu nguyện cho tổ tiên theo nghi lễ của Công giáo.

Trước những thực tế diễn ra trong đời sống của tín đồ các xứ Phương Đông cũng như những thay đổi của tình hình thế giới và thực trạng của những vấn đề mà Giáo hội đang gặp phải đã làm cho những người đứng đầu Tòa Thánh Roma nhận ra sai lầm của mình trong các quyết định trước đây trong đó có việc cấm tín hữu thờ cúng tổ tiên theo nghi lễ truyền thống của dân tộc họ. Những sai lầm này không chỉ gây thiệt hại cho mong ước đem Tin Mừng đến các vùng ngoài Châu Âu mà còn làm tổn thương đến những giá trị văn hóa tinh thần của các tín đồ Công giáo tại các vùng truyền giáo.

Sau nhiều thế kỷ, tín đồ người Việt như được trút bỏ gánh nặng về mặt tâm linh, họ không còn phải day dứt với việc bị cho là những người không thờ cúng tổ tiên, cũng không còn là những người xa lạ trên quê hương mình. Các tín hữu Việt Nam đang ra sức xây dựng hình ảnh vừa làm sáng danh đức tin Công giáo vừa luôn giữ gìn bảo vệ các giá trị chân, thiện, mỹ của nền văn hóa dân tộc, trong đó có giá trị văn hóa tốt đẹp của thờ cúng tổ tiên. Giáo hội Việt Nam cũng luôn cố gắng để xây dựng một giáo hội phục vụ cho đời sống tinh thần của giáo dân Việt Nam. Giáo hội luôn cố gắng đem lại những điều tốt đẹp nhất không chỉ cho tín hữu của

minh mà còn mong muốn góp phần cùng xây dựng xã hội Việt Nam trong sự đoàn kết tôn giáo, chung tay xây dựng đất nước phát triển với tinh thần “Hội Thánh trong lòng dân tộc Việt Nam” và “Sống Phúc Âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào”⁵⁵./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Viện Sử học (1995), *Quốc triều hình luật*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội: 37, 148.
- 2 Alexandre de Rhodes (1994), *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*, Người dịch: Hồng Nhuệ, Ủy ban Đoàn kết Công giáo Tp. Hồ Chí Minh: 51.
- 3 Phan Kế Bính (1990), *Việt Nam phong tục*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh: 26.
- 4 Robert Layton (2015), *Nhập môn lý thuyết nhân học*, Người dịch: Phan Ngọc Chiến, Người hiệu đính: Lương Văn Hy, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh: 52.
- 5 Lương Văn Hy (2015), *Chuyên đề: Lịch sử lý thuyết nhân học*, Khoa Nhân học, Đại học KHXH&NV Tp. Hồ Chí Minh, Tài liệu giảng dạy.
- 6 Trương Bá Cần (1992), *Công giáo Việt Nam thời Giám mục Pigneau (1771 - 1799)*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh: 131.
- 7 Cléopold Cadière (1997), *Về văn hóa và tín ngưỡng truyền thống người Việt*, tập 1, Người dịch: Đỗ Trinh Huệ, Nxb. Thuận Hóa, Huế: 102.
- 8 Đào Duy Anh (2014), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Thế giới, Hà Nội: 296.
- 9 Cléopold Cadière (1997), *Về văn hóa và tín ngưỡng truyền thống người Việt*, tập 1, Người dịch: Đỗ Trinh Huệ, Nxb. Thuận Hóa, Huế: 51.
- 10 Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên, 1996), *Về tôn giáo tín ngưỡng Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 317.
- 11 Trương Bá Cần (1992), *Công giáo Việt Nam thời Giám mục Pigneau (1771 - 1799)*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh: 132.
- 12 Will Durant (2013), *Lịch sử văn minh Trung Hoa*, Người dịch: Nguyễn Hiến Lê, Nxb. Tổng hợp, Tp. Hồ Chí Minh: 283.
- 13 Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên, 1996), *Về tôn giáo tín ngưỡng Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 317.
- 14 Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên, 1996), *Về tôn giáo tín ngưỡng Việt Nam hiện nay*, Sdd: 347.
- 15 Cléopold Cadière (1997), *Về văn hóa và tín ngưỡng truyền thống người Việt*, tập 1, Sdd: 64.
- 16 Cléopold Cadière (1997), *Về văn hóa và tín ngưỡng truyền thống người Việt*, tập 1, Sdd: 62.
- 17 Émile Durkheim, “Định nghĩa hiện tượng tôn giáo và về tôn giáo”, Người dịch: Đào Hùng, Người hiệu đính: Nguyễn Kim Hiền, trong: Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2006), *Những vấn đề Nhân học Tôn giáo*, Nxb. Đà Nẵng: 60.
- 18 Hồng Nhuệ (2001), *Văn thư quốc ngữ trong văn khố của Hội truyền giáo nước ngoài Paris, sao lục và giới thiệu*, (Tài liệu bản thảo): 138.
- 19 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2003), *Kinh nghiệm hội nhập văn hóa trong nếp sống Kitô giáo tại Việt Nam*, Lưu hành nội bộ: 178.
- 20 Tòa Giám mục Huế, Bài giảng của Tổng giám mục trong cuộc tọa đàm về “Tôn kính tổ tiên” ngày 26/10/1999.

- 21 Trương Bá Cần (2008), *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam*, tập 1, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 560.
- 22 Bùi Đức Sinh (1999), *Lịch sử giáo hội Công giáo, phần nhì: cận kim và đương kim thời đại*, Xuất bản lần thứ 6, Veritas Edition Calgary, Canada: 155.
- 23 Trương Bá Cần (2008), *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam*, tập 1, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 561.
- 24 Đỗ Quang Chính (2008), *Dòng Tên trong xã hội Đại Việt 1615-1773*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 496.
- 25 Nguyễn Hồng (2009), *Lịch sử truyền giáo ở Việt Nam, quyển 1, các thừa sai Dòng Tên (1615-1663)*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội: 267.
- 26 Tòa Giám mục Thành phố Hồ Chí Minh (1998), *Kinh thánh trọn bộ Cựu Ước và Tân Ước*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh: 313.
- 27 Đỗ Quang Chính (2008), *Dòng Tên trong xã hội Đại Việt 1615-1773*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 482.
- 28 Nguyễn Quang Hưng (2009), *Công giáo Việt Nam thời kỳ triều Nguyễn (1802 - 1883)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 110.
- 29 Thư chọn trong các thư chung các đẳng Vicario Aflostolico và Ricario dòng Duminho đã làm từ 1759 - 1903, In tại Kê Sặt năm 1903: 11 - 18.
- 30 Nguyễn Quang Hưng (2009), *Công giáo Việt Nam thời kỳ triều Nguyễn (1802 - 1883)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 145 - 147.
- 31 Trương Bá Cần (2008), *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam*, tập 1, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 559.
- 32 Phan Phát Huồn (1965), *Việt Nam giáo sử (1533 - 1933)*, quyển 1, In lần thứ 2 ở Cứu thế từng thư: 46.
- 33 Trương Bá Cần (2008), *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam*, tập 1, Sdd: 527.
- 34 Alexandre de Rhodes (1993), *Phép giảng tám ngày*, Người dịch: Hồng Nhuệ, Tủ sách Đại kết: 120 - 123.
- 35 Alexandre de Rhodes (1994), *Hành trình và truyền giáo*, Người dịch: Hồng Nhuệ, Ủy ban Đoàn kết Công giáo: 58 - 59.
- 36 Trong thư của Giám mục Pigneau thuộc Hội Truyền giáo nước ngoài Paris gửi cho cha mẹ đẻ, nói về sứ mệnh truyền giáo khi đến Đàng Trong “*con cảm thấy bị thôi thúc bên trong phải đi cứu giúp bao nhiêu người bất hạnh đang phó thác linh hồn cho quỷ lâm lạc và gian dối*”. Xem: Trương Bá Cần (1992), *Công giáo Việt Nam thời Giám mục Pigneau (1771 - 1799)*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh: 32.
- 37 Trương Bá Cần (2008), *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam*, tập 1, Sdd: 566.
- 38 Trương Bá Cần, (2008), *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam*, tập 1, Sdd: 566.
- 39 Nguyễn Quang Hưng (2008), “Các nhân tố ảnh hưởng tới chính sách của nhà nước Việt Nam đối với Công giáo nhìn từ góc độ văn hóa - tôn giáo”, *Nghiên cứu tôn giáo*, số 1: 27.
- 40 Trương Bá Cần (1992), *Công giáo Việt Nam thời Giám mục Pigneau (1771 - 1799)*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh: 104.
- 41 Trương Bá Cần (1992), *Công giáo Việt Nam thời Giám mục Pigneau (1771 - 1799)*, Sdd: 137.

- 42 Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên, 1996), *Về tôn giáo tín ngưỡng Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 315.
- 43 Nguyễn Hồng Dương (2011), *Tổ chức xứ, họ đạo Công giáo ở Việt Nam, Lịch sử - Hiện tại và những vấn đề đặt ra*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 217.
- 44 Lê Đức Hạnh (2008), *Vấn đề thờ cúng tổ tiên của người Công giáo vùng đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ ba, Đại học Quốc gia Hà Nội: 88.
- 45 Hồng Nhuệ (2001), *Văn thư quốc ngữ trong văn khố của Hội truyền giáo nước ngoài Paris, sao lục và giới thiệu*, (Tài liệu bản thảo): 138.
- 46 Trương Bá Cần (1992), *Công giáo Việt Nam thời Giám mục Pigneau (1771 - 1799)*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh: 131.
- 47 Trương Bá Cần (1992), *Công giáo Việt Nam thời Giám mục Pigneau (1771 - 1799)*, Sđd: 132.
- 48 Khoa nhân học (2013), *Nhân học đại cương*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh: 40 - 42.
- 49 Phan Phát Huồn (1965), *Việt Nam giáo sử (1533 - 1933)*, quyển 1, In lần thứ 2 ở Cứu thế từng thư: 200.
- 50 Văn phòng Tổng Thư ký HĐGMVN (2004), *Giáo hội Công giáo Việt Nam, Niên giám 2004*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 489.
- 51 Văn phòng Tổng Thư ký HĐGMVN (2004), *Giáo hội Công giáo Việt Nam, Niên giám 2004*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 490.
- 52 Văn phòng Tổng Thư ký HĐGMVN (2004), *Giáo hội Công giáo Việt Nam, Niên giám 2004*, Sđd: 244
- 53 Trần Văn Giàu, Trần Bạch Đằng (chủ biên, 1998), *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, tập IV, tư tưởng và tín ngưỡng*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh: 461.
- 54 Văn phòng Tổng Thư ký HĐGMVN (2004), *Giáo hội Công giáo Việt Nam, Niên giám 2004*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 243.
- 55 Văn phòng Tổng Thư ký HĐGMVN (2004), *Giáo hội Công giáo Việt Nam, Niên giám 2004*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 237, 240.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (2014), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
2. Phan Kế Bính (1990), *Việt Nam phong tục*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.
3. Cléopold Cadière (2010), *Về văn hóa và tín ngưỡng truyền thống người Việt*, tập 1, Người dịch: Đỗ Trinh Huệ, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
4. Trương Bá Cần (1992), *Công giáo Việt Nam thời Giám mục Pigneau (1771 - 1799)*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.
5. Trương Bá Cần (2008), *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam*, tập 1, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
6. Đỗ Quang Chính (2008), *Dòng Tên trong xã hội Đại Việt 1615 - 1773*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
7. Đỗ Quang Chính (2008), *Tàn mạn lịch sử Giáo hội Công giáo Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

8. Émile Durkheim, “Định nghĩa hiện tượng tôn giáo và về tôn giáo”, Người dịch: Đào Hùng, Người hiệu đính: Nguyễn Kim Hiền, trong: Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2006), *Những vấn đề Nhân học Tôn giáo*, Nxb. Đà Nẵng.
9. Nguyễn Hồng Dương (2011), *Tổ chức xứ, họ đạo Công giáo ở Việt Nam, Lịch sử - Hiện tại và những vấn đề đặt ra*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Giáo hoàng học viện Pio X (1972), *Thánh công đồng chung Vaticano II, Hiến chế - Sắc lệnh - Tuyên ngôn*, Đà Lạt.
11. Trần Văn Giàu, Trần Bạch Đằng (chủ biên, 1998), *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, tập IV, tư tưởng và tín ngưỡng*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.
12. Lê Đức Hạnh (2008), *Vấn đề thờ cúng tổ tiên của người Công giáo vùng đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ ba, Đại học Quốc gia Hà Nội.
13. Nguyễn Hồng (2009), *Lịch sử truyền giáo ở Việt Nam, Quyển I: Các thừa sai Dòng Tên (1615 - 1663)*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội.
14. Phan Phát Huân (1965), *Việt Nam giáo sử (1533 - 1933)*, quyển 1, In lần thứ 2 ở Cửu thế tùng thư, Sài Gòn.
15. Nguyễn Quang Hưng (2008), “Các nhân tố ảnh hưởng tới chính sách của nhà nước Việt Nam đối với Công giáo nhìn từ góc độ văn hóa - tôn giáo”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1: 24 - 33.
16. Nguyễn Quang Hưng (2009), *Công giáo Việt Nam thời kỳ triều Nguyễn (1802 - 1883)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
17. Lương Văn Hy (2015), *Chuyên đề: Lịch sử lý thuyết nhân học*, Khoa Nhân học, Đại học KHXH&NV Tp. Hồ Chí Minh, Tài liệu giảng dạy.
18. Khoa Nhân học (2013), *Nhân học đại cương*, Nxb. Đại học Quốc gia, Tp. Hồ Chí Minh.
19. Trần Trọng Kim (2005), *Việt Nam sử lược*, Nxb. Tổng hợp, Tp. Hồ Chí Minh.
20. Robert Layton (2007), *Nhập môn lý thuyết nhân học*, Người dịch: Phan Ngọc Chiến, Nxb. Đại học Quốc gia.
21. Hồng Nhuệ (2001), *Văn thư quốc ngữ trong văn khố của Hội truyền giáo nước ngoài Paris, sao lục và giới thiệu*, (Tài liệu bản thảo).
22. Những thư chọn trong các thư chung các đấng Vicario Apostolico và Ricario dòng Duminhgo đã làm từ 1759 - 1903, 1903, In tại Kè Sắt.
23. Alexandre de Rhodes (1994), *Hành trình và truyền giáo*, Người dịch: Hồng Nhuệ, Ủy ban Đoàn kết Công giáo, Tp. Hồ Chí Minh.
24. Alexandre de Rhodes (1994), *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*, Người dịch: Hồng Nhuệ, Tp. Hồ Chí Minh.
25. Bùi Đức Sinh (1999), *Lịch sử giáo hội Công giáo*, Xuất bản lần thứ 6, Veritas Edition Calgary, Canada.
26. Maureen Sullivan (2004), *101 câu hỏi và trả lời về Công đồng Vatican II*, Người dịch: Trương Văn Khoa, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
27. Cao Huy Thuần (2006), *Tôn giáo và xã hội hiện đại, biến chuyển lòng tin ở Phương Tây*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
28. Tòa Giám mục Huế, Bài giảng của Tổng giám mục trong cuộc tọa đàm về “*Tôn kính tổ tiên*” ngày 26/10/1999.
29. Tòa Giám mục Xuân Lộc (2009), *Hồng ân huấn giáo sống đạo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

30. Tòa Giám mục Thành phố Hồ Chí Minh (1998), *Kinh thánh trọn bộ Cựu Ước và Tân Ước*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.
31. Tư liệu điền dã của tác giả tại giáo xứ Lộc Hòa từ 2012-2016.
32. Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên, 1996), *Về tôn giáo tín ngưỡng Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
33. Văn phòng Tổng Thư ký HĐGMVN (2004), *Giáo hội Công giáo Việt Nam, Niên giám 2004*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
34. Viện Sử học (1995), *Quốc triều hình luật*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Abstract

ANCESTOR WORSHIP OF THE VIETNAMESE CATHOLICS

Based on the historical materials in combination with the ethnographic fieldwork data collected in Lộc Hòa parish, Tây Hòa Commune, Trảng Bom District, Đồng Nai Province, the article presents the vicissitudes of the Vietnamese Catholics' ancestor worship. After debates about the issue of the "Oriental Ritual", the Catholic Church decided to ban the Asian believers from worshipping ancestors according to the native custom. The Vietnamese Catholics, however, managed to maintain ancestor worship. This reveals the important role of this custom in the Vietnamese Catholics' life. Although the Vietnamese Catholics received the European religion and culture, they retained their traditional cultural values. After the Second Vatican Council, ancestor worship was formalized as one of the Catholic rites beside the Vietnamese traditional rites.

Keywords: Catholicism, Vietnamese, ancestor, worship.